

LESSON 21: P5 VOCA, MỆNH ĐỀ QUAN HỆ, PART 6, PART 4

I/ TỪ VỰNG

- | | | |
|---|--|---------------------|
| 1. Subscription (n) | /səb'skrɪpʃn/ | sự đăng kí/theo dõi |
| Ex: to renew a subscription (gia hạn sự đăng ký) | | |
| | | |
| 2. Renew (v) | /rɪ'nju:/ | gia hạn |
| Ex: to renew a licence (gia hạn giấy phép) | | |
| | | |
| 3. Expire (v) | /ɪk'spaɪər/ | hết hạn |
| Ex: Our lease on the house expires next month. (Hợp đồng thuê nhà của chúng tôi sẽ hết hạn vào tháng tới.) | | |
| | | |
| 4. Undergo (v) | /ˌʌndər'ɡoʊ/ | trải qua |
| Ex: My mother underwent major surgery last year. (Mẹ tôi đã trải qua một cuộc đại phẫu năm ngoái.) | | |
| | | |
| 5. Meet need /
meet requirement (v) | /mi:t n i:d/
 / mi:t/ /rɪ'kwaɪərmənt/ | đáp ứng nhu cầu |
| Ex: a software solution to meet your requirements (một giải pháp phần mềm để đáp ứng yêu cầu của bạn) | | |
| | | |
| 6. Substantial/ considerable/
significant (a) | /səb'stænʃl//kən'sɪdərəbl/
 /sɪg'nɪfɪkənt/ | to lớn, đáng kể |
| Ex: The project wasted a considerable amount of time and money. (Dự án đã lãng phí một lượng thời gian và tiền bạc đáng kể .) | | |

7. Destination (n)	/,destɪ'neɪʃn/	điểm đến, địa điểm
--------------------	----------------	--------------------

Ex: popular tourist **destinations** (**địa điểm** du lịch nổi tiếng)

8. Identification (n)	/aɪ,dentɪfɪ'keɪʃn/	Sự xác minh danh tính (chứng minh nhân dân..)
-----------------------	--------------------	--

Ex: Each product has a number for easy **identification**. (Mỗi sản phẩm đều có mã số để dễ **nhận biết**.)

9. Announce/ notify/ inform (v)	/ə'naʊns/ /'nəʊtɪfaɪ/ /ɪn'fɔ:rm/	thông báo
------------------------------------	---------------------------------------	-----------

Ex: Competition winners will be **notified** by post. (Người chiến thắng cuộc thi sẽ được **thông báo** qua đường bưu điện.)

10. Sensitive (a)	/'sensətɪv/	nhạy cảm
-------------------	-------------	----------

Ex: She is very **sensitive** to other people's feelings. (Cô ấy rất **nhạy cảm** với cảm xúc của người khác.)

II/ PART 5 VOCA

1. Please mention my name in order for you to the subscription to the journal on my behalf.

A. include

C. renew

B. provide

D. entail

2. New employees were to be photographed immediately in order to have their new identification made.

A. recalled

C. reminded

B. memorized

D. identified

3. All employees should be informed explicitly of their responsibilities in relation to client information.

A. sensitive

C. affordable

B. competitive

D. courteous

4. The experts at Prime Carpentry can handle any piece of wooden furniture, restoring it its original condition.

A. to

C. at

B. by

D. with

5. During the holiday season, Schwartz Department Store will special makeup gift sets.

A. solve

C. impress

B. carry

D. occupy

III/ NGỮ PHÁP MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

Mệnh đề quan hệ là mệnh đề phụ trong câu, dùng để bổ nghĩa cho danh từ phía trước.

Mệnh đề quan hệ bắt đầu bằng đại từ quan hệ, bao gồm: who, whom, which, that, whose,....

The girl is standing over there. The girl is so beautiful.

*The girl **who is standing over there** is so beautiful.*

Cô gái đứng ở kia rất xinh đẹp.

1) Cấu trúc mệnh đề quan hệ

		<i>VỊ TRÍ</i>	<i>Ex</i>
ĐẠI TỪ QUAN HỆ	N người + WHO + V	làm chủ từ , thay thế cho danh từ chỉ người	The girl, who stands overthere, is my class mate.
	N người + WHOM + S + V	làm tân ngữ , thay thế cho danh từ chỉ người	The girl, whom I love, is beautiful.
	N vật + WHICH	làm chủ từ hoặc tân ngữ , thay thế cho danh từ chỉ vật	The job, which I find in the newspaper, is interesting.
	N + WHOSE + N	Thay thế tính từ sở hữu	The player whose legs are injured is not in the game.
	THAT (that không dùng sau dấu phẩy, sau giới từ)	có thể thay thế cho vị trí của who, whom, which trong mệnh đề quan hệ xác định	The table that stands overthere is old.

Notes

in/on/at + which = when (thay thế cho thời gian)

in/on/at + which = where (thay thế cho nơi chốn)

for which = why (chỉ ra lý do tại sao)

2) Rút gọn mệnh đề quan hệ

Ngoài việc sử dụng mệnh đề quan hệ để bỏ nghĩa cho danh từ trong một câu, đôi khi mệnh đề quan hệ sẽ được rút gọn để câu được ngắn gọn hơn như sau:

Mệnh đề quan hệ ở dạng chủ động sẽ được rút gọn về V-ing.

*The girl **who stands over there** is so beautiful.*

*The girl **standing over there** is so beautiful.*

Mệnh đề quan hệ ở dạng bị động được rút gọn về V3/ed.

*The house **which was built 5 years ago** is mine.*

*The house **built 5 years ago** is mine.*

Mệnh đề quan hệ ở dạng S + be + Adj được rút gọn về Adj.

*The boy **who is responsible for this** is John.*

*The boy **responsible for this** is John.*

KẾT LUẬN

Mệnh đề gốc	Mệnh đề rút gọn
Dạng chủ động	V-ing
Dạng bị động	V-3/ed
Dạng be + Adj	Adj

IV/ PART 5

1. Employees _____ are experiencing technology-related problems may ask for help by placing a call to the IT team between 9 a.m. and 6 p.m.

- A. who
- B. whose
- C. which
- D. what

2. Customers _____ products are provided and maintained through an existing arrangement should contact us immediately.

- A. who
- B. which.
- C. whose
- D. that

3. For those _____ are determined to attend the seminar, tickets are available at the Human Resources Department.

- A. who
- B. whose
- C. what
- D. their

4. Anyone _____ experiences complications with the new software is encouraged to bring this matter to Mr. Gruber's attention in room 210.

- A. who
- B. which
- C. whom
- D. whose

5. The head of the department _____ the banquet room for a party should submit a required form to the Catering Department.

- A. use
- B. used
- C. using
- D. will use

6. Rei Takahashi is one of the three people _____ for overseeing the Research Department at Omi-Tech Solutions.

- A. responsible
- B. responsibly
- C. responsibility
- D. responsibilities

7. Tokyo International Airport offers a free shuttle bus service for passengers that _____ the international and domestic flight terminals.

- A. connect
- B. connects
- C. connecting
- D. connection

8. We should take a close look at all expenditures _____ have risen over 15 percent since last quarter.

- A. what
- B. which
- C. when
- D. who

9. Automobile mechanics _____ have not kept up with these changes have left or been forced out of the industry

- A. themselves
- B. who
- C. whose
- D. they

10. The names of upper management to _____ you must report will be provided in order to get budgets approved for projects.

- A. whom
- B. whoever
- C. what
- D. where

V/ PART 6

Questions 1-4 refer to the following e-mail.

To: Samuel Archerson <sarcherson@vona.co.uk>

From: James Darrers <jdarrers@sky.co.uk>

Date: 10 January

Subject: Cost Accountant position

Dear Mr. Archerson,

Thank you for taking the time to meet with me today. I **1.** _____ our conversation, and I remain very interested in the position of cost accountant. I would welcome the opportunity to return for the third and final round of **2.** _____.

I am confident my years of accounting experience would benefit your firm. As discussed, over the last ten years, I have helped many companies save a **3.** _____ amount of money. I am especially adept at analyzing the day-to-day operations of a business and helping to determine more cost-effective methods.

I checked regarding your question about a potential start date. **4.** _____. I hope to hear from you in the near future.

Sincerely,

James Darrers

- | | | | |
|-----------|----------------|-----------|---|
| 1. | (A) enjoy | 3. | (A) substance |
| | (B) enjoyed | | (B) substantiate |
| | (C) enjoying | | (C) substantially |
| | (D) will enjoy | | (D) substantial |
| 2. | (A) revisions | 4. | (A) I have four additional questions to ask you. |
| | (B) promotions | | (B) I would be able to begin during the first week of February. |
| | (C) interviews | | (C) I am confident I have the potential for this position. |
| | (D) receptions | | (D) Thank you for the offer of employment. |

VI/ LISTENING PART 4

PRACTICE

86. What is the advertisement mainly about?

- (A) A radio program
- (B) An awards ceremony
- (C) An acting audition
- (D) A musical contest

- | | | | |
|-----|-----|-----|-----|
| (A) | (B) | (C) | (D) |
| (A) | (B) | (C) | (D) |
| (A) | (B) | (C) | (D) |

87. What does the speaker say about the judges?

- (A) They will be former contestants.
- (B) They will choose the final winner.
- (C) They will be changed each week.
- (D) They will consider viewer feedback.

88. What does the speaker say is available on the Web site?

- (A) An audio recording
- (B) A venue list
- (C) A performance schedule
- (D) A film trailer

89. What is mentioned about the previous speakers?

- (A) They worked for major publications.
- (B) They graduated from James College.
- (C) They gave stimulating lectures.
- (D) They received writing prizes.

- | | | | |
|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <input type="radio"/> A | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D |
| <input type="radio"/> A | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D |
| <input type="radio"/> A | <input type="radio"/> B | <input type="radio"/> C | <input type="radio"/> D |

90. What will the speaker talk about?

- (A) The importance of reading
- (B) The influence of literature
- (C) The value of higher education
- (D) The effects of legal reform

91. Who is Jack Coyle?

- (A) An author
- (B) A college lecturer
- (C) A public official
- (D) A lawyer

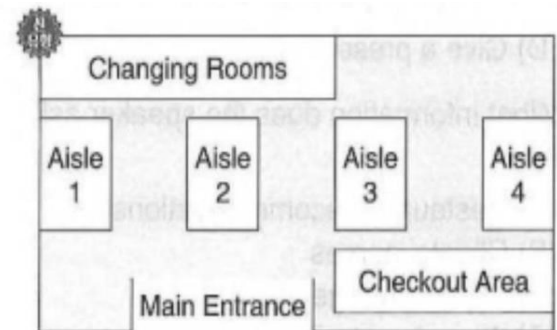
92. Who is the speaker most likely addressing?

- (A) Store customers
- (B) Marketing consultants
- (C) Shop employees
- (D) Construction workers

- | | | | |
|-----|-----|-----|-----|
| (A) | (B) | (C) | (D) |
| (A) | (B) | (C) | (D) |
| (A) | (B) | (C) | (D) |

93. Look at the graphic. Where has the display been set up?

- (A) In Aisle 1
- (B) In Aisle 2
- (C) In Aisle 3
- (D) In Aisle 4



94. According to the speaker, what will be announced tomorrow?

- (A) The dates of a renovation project
- (B) The name of a design firm
- (C) The details of a sportswear production
- (D) The location of a new branch